

Số: 74 /2008/TTLT/BTC-BNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2008

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính
trong hợp tác xã nông nghiệp

- Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2003;
- Căn cứ Luật Kế toán năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2003;

Để công tác quản lý tài chính của các hợp tác xã nông nghiệp chặt chẽ, hiệu quả, đúng pháp luật, Liên Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý tài chính trong Hợp tác xã nông nghiệp như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và nghề muối được gọi chung là hợp tác xã nông nghiệp (HTX).

2. Căn cứ vào các quy định của Thông tư này, HTX vận dụng để xây dựng quy chế quản lý tài chính nội bộ phù hợp với đặc điểm, điều kiện hoạt động của HTX; thông qua Đại hội xã viên và tổ chức thực hiện đầy đủ quy chế tài chính nội bộ, các quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, công khai, dân chủ và đúng pháp luật.

II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN CỦA HTX

1. Vốn điều lệ của HTX:

1.1 Vốn điều lệ của hợp tác xã là tổng số vốn do các xã viên đóng góp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

01/10/08
202/4/08
00000000

Hợp tác xã năm 2003 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 177/2004/NĐ-CP) và được ghi vào điều lệ của HTX.

1.2 Tăng, giảm vốn điều lệ của HTX:

Đại hội xã viên quyết định việc điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ của HTX theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 177/2004/NĐ-CP.

2. Vốn chủ sở hữu của HTX:

Vốn chủ sở hữu của HTX được chia thành hai loại:

2.1 Vốn không được chia của HTX gồm:

a) Vốn được hình thành từ tích lũy của HTX: Là phần lợi nhuận sau thuế, được Đại hội xã viên quyết định trích một phần hay toàn bộ bổ sung vốn kinh doanh của HTX.

b) Các quỹ hợp tác xã: Là các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế gồm quỹ phát triển sản xuất, quỹ dự phòng và quỹ khác (nếu có) theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 177/2004/NĐ-CP và do Đại hội xã viên quyết định.

c) Vốn trợ cấp: Bao gồm các khoản tài trợ của Nhà nước, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho HTX. Nếu khoản tài trợ bằng hiện vật thì HTX thành lập hội đồng định giá quy thành tiền tại thời điểm nhận tài trợ đó. HTX phải tổ chức quản lý chặt chẽ nguồn vốn này theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 177/2004/NĐ-CP và Điều lệ HTX.

2.2 Vốn chia của HTX:

Vốn chia của HTX là vốn góp của xã viên: Xã viên gia nhập HTX phải góp vốn theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị định số 177/2004/NĐ-CP và Điều lệ HTX.

Xã viên được hoàn trả vốn góp khi chấm dứt tư cách xã viên theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Hợp tác xã năm 2003. Việc trả lại vốn góp cho xã viên căn cứ vào thực trạng tài chính của HTX tại thời điểm trả lại vốn, sau khi HTX đã quyết toán năm và đã giải quyết xong các quyền lợi, nghĩa vụ về kinh tế của xã viên đối với HTX. Hình thức, thời hạn trả lại vốn góp của xã viên phải phù hợp với quy định của Điều lệ HTX về vốn góp và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Vốn vay và các khoản nợ chưa đến hạn trả

3.1 Vốn vay:

HTX được quyền huy động vốn theo quy định của pháp luật để phục vụ sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi cho chủ nợ theo cam kết trong hợp đồng vay vốn.

Hợp tác xã được tổ chức hoạt động tín dụng nội bộ huy động vốn nhân rỗi của xã viên để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của HTX và hộ xã viên.

Lãi suất huy động vốn thực hiện theo hợp đồng vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng không vượt quá lãi suất trần do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Trường hợp vay vốn trực tiếp của cá nhân, tổ chức kinh tế khác thì lãi suất vay tối đa không vượt quá 1,2 lần lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm vay vốn.

3.2 Các khoản nợ chưa đến hạn trả:

Là các khoản nợ chưa phải thanh toán, lãi chưa đến kỳ phân phối, HTX được sử dụng để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. HTX có trách nhiệm mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả và thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết.

4. Nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

5. Thâm quyền quyết định việc vay vốn; cho vay; góp vốn liên doanh, đầu tư thành lập doanh nghiệp trong HTX; đầu tư mua sắm, thanh lý tài sản cố định; bổ sung vốn lưu động được quy định cụ thể trong Điều lệ HTX do Đại hội xã viên thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

III. QUẢN LÝ TÀI SẢN, VỐN BẰNG TIỀN CỦA HỢP TÁC XÃ

Tài sản của HTX được phân chia thành hai loại: Tài sản cố định (TSCĐ) và đầu tư dài hạn; tài sản lưu động (TSLĐ) và đầu tư ngắn hạn.

1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn:

1.1 Tài sản cố định của HTX: Bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình. Tiêu chuẩn để xác định TSCĐ; việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

1.2 Đầu tư dài hạn: Là các khoản HTX góp vốn (bằng tiền hoặc tài sản, công lao động) vào các đơn vị khác để thành lập doanh nghiệp, HTX, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng chịu rủi ro, cùng chia lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh.

HTX phải mở sổ kế toán theo dõi các khoản đầu tư dài hạn, việc thu lợi nhuận của hoạt động đầu tư. Định kỳ phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư dài hạn.

2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn:

2.1 Tài sản lưu động: Là các loại vật tư, nhiên liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa, bán thành phẩm, sản phẩm dở dang, tiền mặt tồn quỹ, số dư tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu, cổ phiếu, trái phiếu tồn quỹ. HTX phải mở sổ sách theo hệ thống quản lý chặt chẽ, khoa học và sử dụng có hiệu quả tài sản lưu động.

2.2. Quản lý tài sản lưu động:

- Định kỳ (sáu tháng đầu năm, cuối năm), HTX phải kiểm kê, xác định số lượng, chất lượng và giá trị tài sản lưu động; khi phát hiện thừa thì hạch toán vào thu nhập khác; phát hiện thiếu phải xác định rõ nguyên nhân: Nếu do khách quan thì hạch toán giá trị tổn thất vào kết quả kinh doanh, nếu do chủ quan phải xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để yêu cầu bồi thường toàn bộ hay một phần giá trị tổn thất; trường hợp bồi thường một phần giá trị tổn thất, phần còn lại hạch toán vào kết quả kinh doanh.

- Mọi trường hợp nhập, xuất kho đều phải lập đầy đủ các chứng từ và ghi chép sổ sách có liên quan (phiếu nhập, xuất kho; các sổ kho vật liệu, sản phẩm hàng hóa).

- Giá hạch toán nhập kho TSLĐ mua ngoài: Là giá mua cộng với chi phí vận chuyển, bảo quản, phí bảo hiểm, chọn lọc, tái chế (nếu có), thuế nhập khẩu đối với hàng nhập khẩu.

- Giá hạch toán nhập kho TSLĐ do HTX tự chế: Là giá vật tư xuất kho cộng với chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tự chế.

- Giá hạch toán của vật tư thuê ngoài gia công, chế biến: Là giá vật tư thực tế xuất kho giao gia công cộng với chi phí gia công, chi phí vận chuyển, bốc dỡ.

- Toàn bộ giá trị những TSLĐ đã xuất dùng phải tính vào chi phí của đối tượng sử dụng trong kỳ sản xuất kinh doanh, dịch vụ của HTX.

Những trường hợp xuất dùng công cụ, dụng cụ có giá trị lớn, có thời gian sử dụng từ một năm trở lên thì phân bổ vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng tối đa không quá 3 năm.

- HTX phải xây dựng định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu cho từng mặt hàng, sản phẩm; hàng năm xem xét điều chỉnh cho phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá trên thị trường.

- HTX được hạch toán khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào chi phí kinh doanh trong kỳ trước khi lập báo cáo tài chính năm. Việc trích lập và sử dụng khoản dự phòng này thực hiện theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá tại doanh nghiệp.

- HTX xây dựng quy chế quản lý tài chính và mở sổ theo dõi chặt chẽ các hoạt động thu, chi tiền mặt, tiền gửi, ngân phiếu, cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ. Thủ quỹ phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu, chi, thực hiện đúng quy chế quản lý tiền mặt.

Hàng tháng HTX phải tổ chức kiểm quỹ tiền mặt và thực hiện đối chiếu số dư các tài khoản của HTX với ngân hàng.

3. Hoạt động tín dụng nội bộ:

3.1 Hợp tác xã dùng vốn nhân rồi của HTX và huy động tiền gửi của xã viên để cho xã viên vay theo hình thức tín dụng nội bộ. HTX phải xây dựng phương án: Về tiền huy động, tiền cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi, cơ sở vật chất và các điều kiện thực hiện tín dụng nội bộ. Xây dựng quy chế hoạt động tín dụng nội bộ phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan và được Đại hội xã viên thông qua.

3.2 HTX phải tổ chức hạch toán riêng hoạt động tín dụng nội bộ: Mở sổ hạch toán các hoạt động cho vay, nhận tiền gửi và các hoạt động thu chi khác liên quan. Cuối tháng, cuối quý phải kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu công nợ; Tổ chức công tác quản lý theo quy định tại Thông tư số 06/2004/TT-NHNN ngày 27/9/2004 hướng dẫn tín dụng nội bộ HTX, Thông tư số 04/2007/TT-NHNN ngày 13/6/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2004/TT-NHNN và chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành.